

TĐĐT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 160/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN

Giờ: 5

Ngày: 19.5.2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 154 Luật Thi hành án hình sự về xây dựng, thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng (gọi chung là xây dựng, quản lý, sử dụng) cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an; Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng.

2. Trại giam; trại tạm giam; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh; cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu; Ủy ban nhân dân cấp xã; đơn vị quân đội cấp trung đoàn và tương đương; Công an cấp xã.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Tuân thủ Luật Thi hành án hình sự, Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự được xây dựng và quản lý tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

3. Việc quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu phải bảo đảm phân công, phân quyền rõ ràng, xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu.

4. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự được xây dựng bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn dữ liệu, phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan, bảo đảm dữ liệu được thu thập, cập nhật một lần và được khai thác, sử dụng nhiều lần theo quy định của pháp luật.

5. Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự phải được kiểm tra, chuẩn hóa theo danh mục và tiêu chuẩn dữ liệu thống nhất; được cập nhật thường xuyên, kịp thời ngay khi phát sinh hoặc có thay đổi; bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, nhất quán, có khả năng đối chiếu, truy xuất nguồn gốc và đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng trong công tác quản lý, thi hành án hình sự.

6. Việc xây dựng, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu phải bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu là nội dung bắt buộc của quy trình nghiệp vụ điện tử về thi hành án hình sự; dữ liệu phải được tạo lập khi phát sinh hoạt động nghiệp vụ, bảo đảm đồng bộ, thống nhất.

8. Việc số hóa hồ sơ, ký số, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong thi hành án hình sự được thực hiện đồng bộ, thống nhất, có tính hệ thống, bảo đảm liên thông giữa các giai đoạn tố tụng, giữa cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự là tập hợp thông tin về tình hình, kết quả thi hành án hình sự và thông tin khác có liên quan đến người, pháp nhân thương mại chấp hành bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Viện kiểm sát về các hình phạt và biện pháp tư pháp.

2. Việc thu thập, chuẩn hóa, cập nhật và quản lý dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự phải bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, toàn vẹn, tính xác thực và khả năng truy xuất nguồn gốc của dữ liệu.

3. Việc xử lý dữ liệu cá nhân, bao gồm dữ liệu cá nhân nhạy cảm trong lĩnh vực thi hành án hình sự được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Kinh phí bảo đảm cho việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Kinh phí đầu tư, xây dựng, cập nhật, duy trì, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự phải bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

Chương II
XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU
VỀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

Điều 6. Xây dựng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Bộ Công an chủ trì xây dựng, quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự đồng bộ, tập trung, thống nhất, dùng chung trên phạm vi toàn quốc; tổ chức đầu mối quản trị, vận hành tập trung cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

2. Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm chuẩn hóa, cung cấp và cập nhật, đồng bộ, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự được xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin, bảo đảm khả năng tích hợp, liên thông và vận hành ổn định giữa các hệ thống thông tin.

4. Thiết kế cấu trúc của cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự phải có tính tương thích, khả năng tích hợp, chia sẻ thông tin, bảo đảm việc mở rộng, nâng cấp và phát triển.

5. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự được thực hiện thông qua các hoạt động sau đây:

- a) Thu thập thông tin, dữ liệu từ các nguồn quy định tại Điều 9 Nghị định này;
- b) Kiểm tra, xác thực, phân loại và chuẩn hóa dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn dữ liệu;
- c) Số hóa hồ sơ, tài liệu nghiệp vụ về thi hành án hình sự;

d) Nhập và cập nhật dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự;

đ) Kiểm tra, đối chiếu dữ liệu với hồ sơ, tài liệu nghiệp vụ để bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu;

e) Quản lý, bảo trì, nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu để bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục.

6. Việc xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự phải phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung và quy định của pháp luật về kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Điều 7. Quản trị, vận hành tập trung cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Đầu mỗi quản trị, vận hành tập trung cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự có chức năng giúp Bộ Công an tổ chức quản trị kỹ thuật, quản trị dữ liệu, điều phối kết nối, chia sẻ dữ liệu, giám sát vận hành, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, sao lưu, phục hồi và duy trì hoạt động liên tục của hệ thống.

2. Mô hình tổ chức, chế độ vận hành, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ của đầu mỗi quản trị, vận hành tập trung cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thực hiện theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 8. Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Dữ liệu về tình hình, kết quả thi hành án hình sự trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự bao gồm:

a) Số liệu về người, pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp;

b) Tình hình, kết quả thi hành án hình sự đối với người, pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp;

c) Tình hình về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ phục vụ công tác thi hành án hình sự.

2. Dữ liệu cơ bản về người chấp hành án, người bị áp dụng biện pháp tư pháp trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự bao gồm:

a) Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án hình sự;

b) Lý lịch người chấp hành án, người bị áp dụng biện pháp tư pháp;

c) Số định danh cá nhân đối với công dân Việt Nam; mã số định danh hoặc số hộ chiếu đối với người nước ngoài;

d) Tóm tắt quá trình phạm tội;

đ) Nghĩa vụ dân sự, hình phạt bổ sung trong bản án hình sự;

e) Diễn biến quá trình chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp, bao gồm: hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành án; miễn, giảm thời hạn chấp hành án; tha tù trước thời hạn có điều kiện, hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; đặc xá; buộc chấp hành án phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; chuyển giao người chấp hành án phạt tù; đình chỉ thi hành biện pháp tư pháp; giải quyết trường hợp người chấp hành án, người bị áp dụng biện pháp tư pháp bỏ trốn hoặc chết; kết quả chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp; khen thưởng, kỷ luật;

g) Nơi cư trú, làm việc của người chấp hành án, người bị áp dụng biện pháp tư pháp sau khi chấp hành xong án phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp.

3. Dữ liệu cơ bản về pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự bao gồm:

a) Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án hình sự;

b) Thông tin về pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp;

c) Nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự;

d) Diễn biến quá trình chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp bao gồm cưỡng chế thi hành án, chuyển giao nghĩa vụ thi hành án; kết quả chấp hành hình phạt, chấp hành biện pháp tư pháp.

4. Việc phân loại và quản lý dữ liệu quy định tại Điều này được thực hiện theo tính chất của từng thông tin, dữ liệu cụ thể theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về dữ liệu, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật về kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

5. Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự phải được kiểm tra, xử lý, chuẩn hóa và cập nhật theo quy trình thống nhất, bảo đảm:

a) Dữ liệu được kiểm tra tính hợp lệ, tính đầy đủ và tính chính xác trước khi đưa vào cơ sở dữ liệu;

b) Dữ liệu được chuẩn hóa theo danh mục dữ liệu và tiêu chuẩn dữ liệu do Bộ Công an ban hành;

c) Dữ liệu được cập nhật chậm nhất trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh hoặc có thay đổi thông tin liên quan đến quá trình thi hành án hình sự;

d) Dữ liệu được kết nối, đồng bộ tự động qua nền tảng chia sẻ, điều phối

dữ liệu và các phương thức kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật; khi đáp ứng điều kiện kỹ thuật thì thực hiện theo thời gian thực;

đ) Dữ liệu được quản lý theo từng nhóm dữ liệu để phục vụ việc khai thác, sử dụng và bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nguồn thông tin, dữ liệu thu thập

1. Nguồn thông tin, dữ liệu liên quan đến thi hành án hình sự được thu thập từ các nguồn sau đây:

a) Báo cáo định kỳ, báo cáo vụ việc, báo cáo chuyên đề về thi hành án hình sự và các số liệu thống kê theo mẫu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

b) Hồ sơ người, pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp;

c) Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

d) Các nguồn thông tin khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự có trách nhiệm tiếp nhận thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức chia sẻ, cung cấp; thực hiện kiểm tra, xác thực, xử lý và chuẩn hóa dữ liệu trước khi tích hợp vào cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự để bảo đảm tính hợp lệ, chính xác và thống nhất của dữ liệu.

3. Cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm tính chính xác của dữ liệu do mình cung cấp và phối hợp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong việc kiểm tra, xác minh dữ liệu khi cần thiết.

Điều 10. Lưu trữ dữ liệu về thi hành án hình sự điện tử

1. Dữ liệu về thi hành án hình sự điện tử được hình thành từ hồ sơ, tài liệu được tạo lập dưới dạng thông điệp dữ liệu hoặc được chuyển đổi từ hồ sơ, tài liệu giấy theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử; phải bảo đảm khả năng truy cập, sử dụng để tham chiếu, tính toàn vẹn và khả năng xác định nguồn gốc khởi tạo.

2. Văn bản, tài liệu về thi hành án hình sự được lập, gửi, nhận, lưu trữ trên môi trường điện tử phải được ký bằng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp pháp luật yêu cầu văn bản giấy thì việc chuyển đổi giữa

văn bản giấy và thông điệp dữ liệu phải bảo đảm giá trị pháp lý, tính toàn vẹn, khả năng truy xuất và dấu hiệu nhận biết việc chuyển đổi theo quy định của pháp luật.

4. Việc số hóa hồ sơ, tài liệu và sử dụng chữ ký số trong thi hành án hình sự được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan. Trường hợp dữ liệu đã được tạo lập hợp lệ trên môi trường điện tử thì không yêu cầu nhập lại hoặc tạo lập lại dưới dạng giấy, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Trong trường hợp có sự sai lệch về nội dung giữa dữ liệu thi hành án hình sự điện tử và hồ sơ, tài liệu giấy thì cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự phải tiến hành kiểm tra, xác minh để điều chỉnh cho phù hợp.

6. Dữ liệu về thi hành án hình sự được lưu trữ tập trung, sử dụng hạ tầng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình, điều kiện kỹ thuật và quy định của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm yêu cầu về an ninh mạng, an ninh dữ liệu, có phương án sao lưu, dự phòng thảm họa và khôi phục dữ liệu sau sự cố theo quy định của pháp luật.

7. Việc lưu trữ dữ liệu về thi hành án hình sự phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Dữ liệu được lưu trữ dưới dạng điện tử theo cấu trúc dữ liệu thống nhất;
- b) Dữ liệu được tổ chức lưu trữ theo từng nhóm dữ liệu để thuận tiện cho việc quản lý, khai thác và sử dụng;
- c) Dữ liệu được sao lưu định kỳ hằng ngày; thực hiện sao lưu đầy đủ hệ thống tối thiểu 01 lần/tuần; đồng thời thực hiện sao lưu tổng thể hằng tháng để bảo đảm khả năng khôi phục dữ liệu khi xảy ra sự cố;
- d) Dữ liệu phải được kiểm tra, đối chiếu định kỳ ít nhất 01 lần/tháng để bảo đảm tính toàn vẹn và tính chính xác của dữ liệu trong quá trình lưu trữ.

Điều 11. Quản lý, bảo vệ cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự được quản lý, bảo vệ chặt chẽ, an toàn theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, giao dịch điện tử và pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan được giao quản lý cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự có trách nhiệm tổ chức quản trị, vận hành hệ thống và bảo đảm an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị được phân quyền cập nhật dữ liệu có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng thẩm quyền và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng.

5. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự phải được bảo đảm an toàn, vận hành thông suốt, việc sao lưu dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

6. Việc quản lý và bảo vệ cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự được thực hiện thông qua các biện pháp sau đây:

a) Phân quyền truy cập và khai thác dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị;

b) Kiểm soát việc truy cập, khai thác, chỉnh sửa dữ liệu trong hệ thống cơ sở dữ liệu;

c) Ghi nhận và lưu vết các hoạt động truy cập, cập nhật, khai thác dữ liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát;

d) Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống cơ sở dữ liệu;

đ) Kiểm tra, đánh giá định kỳ ít nhất 01 lần/quý việc bảo đảm an toàn, an ninh đối với cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự; trường hợp cần thiết thực hiện kiểm tra đột xuất theo yêu cầu quản lý.

Chương III

KẾT NỐI, CHIA SẺ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU

Điều 12. Phương thức chia sẻ, kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu của cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu được thực hiện thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, giao diện lập trình ứng dụng hoặc phương thức kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm đúng phạm vi, mục đích, thẩm quyền, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Việc kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu của các tổ chức, cá nhân cho cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thông qua hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Việc kết nối và chia sẻ dữ liệu về thi hành án hình sự phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Dữ liệu được chia sẻ theo đúng phạm vi, mục đích và thẩm quyền của cơ quan, tổ chức khai thác dữ liệu;

b) Việc chia sẻ dữ liệu được thực hiện thông qua các phương thức kết nối điện tử, bảo đảm khả năng truy cập, trao đổi và đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin;

c) Dữ liệu được kiểm tra, xác thực trước khi thực hiện chia sẻ để bảo đảm tính chính xác và toàn vẹn của dữ liệu;

d) Việc chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng.

Điều 13. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Cơ quan tham gia xây dựng, thu thập, cập nhật thông tin và duy trì cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự được quyền khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình theo cơ chế phân quyền.

2. Việc khai thác dữ liệu liên quan đến bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân hoặc dữ liệu hạn chế tiếp cận phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định về kiến trúc, quản trị và quản lý dữ liệu quốc gia; việc truy cập dữ liệu được thực hiện theo cơ chế phân quyền, giám sát và phải xác định rõ mục đích khai thác dữ liệu; đối với dữ liệu cá nhân nhạy cảm phải được ẩn danh hoặc cấp quyền truy cập theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có yêu cầu tra cứu, cung cấp thông tin, tài liệu lưu trữ về người, pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, giao dịch điện tử, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật về lưu trữ.

4. Cơ quan có chức năng, nhiệm vụ cung cấp thông tin, tài liệu lưu trữ về thi hành án hình sự có quyền từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu nếu có căn cứ cho rằng yêu cầu đó trái pháp luật, vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người, pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp.

5. Các hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự gồm:

a) Qua kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến giữa các hệ thống thông tin;

b) Qua mạng máy tính nội bộ;

c) Bảng văn bản hoặc phiếu đề nghị cung cấp.

6. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu phải được thực hiện theo quy trình thống nhất, bảo đảm:

a) Xác định rõ mục đích, phạm vi và nội dung dữ liệu cần khai thác;

b) Kiểm soát việc truy cập và khai thác dữ liệu theo cơ chế phân quyền;

c) Ghi nhận và lưu vết việc khai thác dữ liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát;

d) Bảo đảm dữ liệu được sử dụng đúng mục đích, đúng thẩm quyền và đúng phạm vi thông tin được khai thác và không làm lộ, lọt thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc dữ liệu cá nhân nhạy cảm.

7. Mọi hoạt động truy cập, khai thác, cập nhật, sửa đổi, xóa, phê duyệt, trích xuất dữ liệu phải được thực hiện thông qua tài khoản đã được định danh, xác thực của người được giao quyền; được ghi nhận, lưu trữ đầy đủ trên hệ thống để phục vụ kiểm tra, giám sát, truy xuất trách nhiệm.

8. Việc lưu trữ dữ liệu được chia sẻ bảo đảm quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Trao đổi dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự và các cơ sở dữ liệu khác liên quan

1. Việc trao đổi dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự và các cơ sở dữ liệu khác liên quan phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Dữ liệu về người, pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp thuộc cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự được tích hợp, chia sẻ với hệ cơ sở dữ liệu về thông tin phòng, chống tội phạm để phục vụ công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

3. Dữ liệu quản lý phạm nhân, trại viên cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trường giáo dưỡng; dữ liệu thi hành án hình sự tại cộng đồng và tái hòa nhập cộng đồng được kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan trong hệ thống chính trị theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, tổ chức có liên quan phục vụ hoạt động tố tụng, thi hành án, quản lý nhà nước hoặc thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật, bao gồm Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và các cơ quan có liên quan được khai thác dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự theo phân quyền quản lý dữ liệu, phục vụ yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

5. Việc trao đổi dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu phải bảo đảm:

- a) Dữ liệu được trao đổi theo đúng phạm vi, mục đích và thẩm quyền của cơ quan, tổ chức khai thác dữ liệu;
- b) Dữ liệu được kiểm tra, xác thực trước khi thực hiện trao đổi;
- c) Việc trao đổi dữ liệu được thực hiện thông qua các phương thức kết nối điện tử quy định tại Điều 12 Nghị định này;
- d) Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình trao đổi dữ liệu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Bộ Công an giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.
2. Thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành có liên quan, địa phương trên phạm vi cả nước về xây dựng, quản lý, khai thác, kết nối, chia sẻ, cập nhật, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.
3. Tổng hợp tình hình thực hiện của các bộ, ngành, địa phương trong việc chuẩn hóa, thu thập, chia sẻ, kết nối và liên thông dữ liệu; báo cáo Chính phủ xem xét, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; sử dụng nguồn ngân sách được bố trí để xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm, xây dựng cơ sở dữ liệu và duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự bảo đảm quy định của pháp luật.
4. Làm đầu mối tiếp nhận, tổng hợp các thông tin về thi hành án hình sự các bộ, ngành có liên quan, địa phương chia sẻ, cung cấp.
5. Tổ chức xây dựng, nâng cấp hệ thống phần mềm thống nhất để quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự; xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin về thi hành án hình sự đáp ứng việc kết nối đến các bộ, ngành có liên quan, địa phương trên phạm vi cả nước.
6. Nghiên cứu, đề xuất ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định, quy chế phục vụ việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.
7. Chủ trì điều phối thống nhất hoạt động quản lý, kết nối, chia sẻ, khai

thác và bảo vệ dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

8. Bảo đảm cơ sở vật chất, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

9. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

10. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc phạm vi quản lý.

2. Bảo đảm cơ sở vật chất, đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc phạm vi quản lý.

3. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân về cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, địa phương

1. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Bộ Công an theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan để xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai đồng bộ, bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu về thi hành án hình sự.

3. Thực hiện chuẩn hóa dữ liệu, làm sạch, kết nối, khai thác dữ liệu gắn với nhu cầu của các đơn vị.

4. Chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an ninh thông tin trước và trong quá trình thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

5. Thực hiện sơ kết, tổng kết về hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

6. Bộ Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu về kết quả thi hành án phần dân sự trong bản án hình sự từ các cơ sở dữ liệu do Bộ Tư pháp quản lý để phục vụ việc xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp, sử dụng thông tin về thi hành án hình sự

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cung cấp thông tin về thi hành án hình sự có trách nhiệm sử dụng thông tin đúng mục đích, không được cung cấp, tiết lộ trái pháp luật thông tin cho bên thứ ba và phải kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý dữ liệu có thẩm quyền về những sai sót của dữ liệu được cung cấp.

3. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị xâm phạm quyền khai thác, sử dụng dữ liệu của mình.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định số 59/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2027, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này được thực hiện thống nhất thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. Dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, phần mềm và hệ thống thông tin về thi hành án hình sự đã được tạo lập, thu thập, quản lý, vận hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục khai thác, sử dụng cho đến khi hoàn thành việc chuyển đổi, đồng bộ theo quy định tại Nghị định này.

2. Trong thời gian chuyển tiếp, việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải bảo đảm hoạt động quản lý, thi hành án hình sự được thực hiện liên tục, không gián đoạn.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CDS (2b). 68

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Gia Túc